





NGUYỄN THIỆN GIÁP

**CƠ SỞ
NGÔN NGỮ HỌC**

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 1998

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Giáo sư, Phó tiến sĩ Nguyễn Thiện Giáp hiện là chủ nhiệm Bộ môn Việt ngữ học, Khoa Ngôn ngữ học và chủ nhiệm Bộ môn Biên tập và Xuất bản, Khoa Báo chí Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Tác phẩm chính gồm:

- 1- *Từ vựng tiếng Việt*, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1978.
- 2- *Từ vựng học tiếng Việt*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1985; NXB Giáo dục Hà Nội tái bản năm 1998.
- 3- *Dẫn luận ngôn ngữ học* (Chủ biên), NXB Giáo dục Hà Nội, 1994; Tái bản các năm 1995, 1996, 1997, 1998.
- 4- *Từ và nhận diện từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996.
- 5- *Từ điển bách khoa địa danh Hải Phòng* (đồng tác giả), NXB Hải Phòng, 1998.

LỜI GIỚI THIỆU

Từ các chương trình được soạn thảo công phu của gần 30 trường đại học, một số giáo sư có kinh nghiệm về xây dựng chương trình đào tạo đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo mời xây dựng Bộ chương trình Đại học đại cương dùng cho các năm đầu ở bậc đại học.

Bộ chương trình nêu trên đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành dưới dạng Bộ chương trình mẫu (theo quyết định 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 9 năm 1995) và đang được các trường đại học và cao đẳng áp dụng. Đây là chuẩn mực tối thiểu về phẩm kiến thức nền tảng của bậc đại học để các cơ sở đào tạo đại học và cao đẳng áp dụng nhằm nâng dần mặt bằng kiến thức bậc đại học nước ta ngang tầm với các nước trong khu vực và trên thế giới. Mong mỗi chúng ta người học và người dạy là có được các sách giáo khoa phù hợp với bộ chương trình này do những chuyên gia có kinh nghiệm biên soạn.

Đáp ứng nguyện vọng trên, Ban chủ nhiệm Chương trình mục tiêu về giáo trình đại học đã mời GS Nguyễn Thiện Giáp viết cuốn "*Cơ sở ngôn ngữ học*" phục vụ cho chương trình Đại học đại cương.

Ban chủ nhiệm Chương trình mục tiêu về Giáo trình đại học trân trọng giới thiệu với bạn đọc và mong nhận được sự góp ý để cuốn sách ngày càng hoàn thiện.

Ban chủ nhiệm CT GT Đại học
Bộ Giáo dục và Đào tạo

LỜI NÓI ĐẦU

Những tri thức ngôn ngữ học là hữu ích cho bất cứ một ai. Nó rất cần thiết đối với những người làm công tác giảng dạy và nghiên cứu. Những người dùng ngôn ngữ làm công cụ nghề nghiệp như các nhà văn, nhà báo, các cán bộ tuyên truyền, v.v... cũng cần phải biết ngôn ngữ học.

Những làm quen với những tư tưởng cơ bản của ngôn ngữ học hiện đại không phải là dễ dàng, bởi vì những tri thức được tích lũy trong khoa học này rất phong phú và phức tạp. Để có thể bước vào ngôn ngữ học một cách thuận lợi, sinh viên hoặc những ai quan tâm cần phải nắm vững một số khái niệm cơ bản và quan trọng nhất của ngôn ngữ học. Những tri thức ấy được trình bày trong những giáo trình gọi là "Đã luận ngôn ngữ học", "Nhập môn ngôn ngữ học", v.v...

Cơ sở ngôn ngữ học là một giáo trình thuộc dạng này. Nó nằm trong Bộ giáo trình bậc đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Nhận trách nhiệm trước Ban chủ nhiệm chương trình mục tiêu về giáo trình đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chúng tôi biên soạn giáo trình "*Cơ sở ngôn ngữ học*" theo những định hướng sau đây:

- Trong khi giới thiệu những khái niệm cơ bản và quan trọng nhất của ngôn ngữ học cố gắng phản ánh những thành tựu mới của ngôn ngữ học thế giới, những vấn đề đang được xã hội quan tâm, chú ý nhiều.
- Không đi sâu vào những khái niệm có tính chất nguyên lý, lí

thuyết trừu tượng mà chú trọng những khái niệm thể hiện ngôn ngữ trong sự hành chức, trong sự sử dụng của nó; những khái niệm có thể vận dụng để dùng vào việc miêu tả tiếng Việt.

- Sử dụng dẫn liệu trong nhiều ngôn ngữ thuộc các loại hình khác nhau, đặc biệt là các ngôn ngữ ở Đông Nam Á cùng loại hình với tiếng Việt.

- Trình bày ngắn gọn, rõ ràng, từ đơn giản đến phức tạp một cách có hệ thống, tránh trích dẫn dài dòng.

Tựu trung, giáo trình này, chỉ nhằm giải đáp hai vấn đề chủ yếu: Ngôn ngữ là cái gì và thế nào là ngôn ngữ học? Năm chương đầu giới thiệu về bản thân ngôn ngữ, sáu chương sau giới thiệu nội dung và phạm vi nghiên cứu của ngôn ngữ học.

Chúng tôi hi vọng rằng việc làm này sẽ đóng góp vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, phục vụ tốt cho công cuộc cải cách giáo dục đại học hiện nay.

Nhân dịp cuốn sách ra mắt độc giả, chúng tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành tới NXB Khoa học Xã hội, đã tạo điều kiện thuận lợi và tới PGS Đinh Trọng Lạc ở Đại học Quốc gia Hà Nội, PTS Hoàng Cao Cương ở Viện Ngôn ngữ học thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia và ông Phạm Văn Thịnh ở NXB Khoa học Xã hội đã đọc bản thảo và góp cho chúng tôi nhiều ý kiến bổ ích. Chúng tôi cũng mong nhận được sự góp ý, phê bình của đồng đạo bạn đọc để giáo trình ngày một tốt hơn.

Mùa thu năm Đinh Sửu, 1997

Tác giả

GS NGUYỄN THIÊN GIÁP

6

MỤC LỤC

Trang

BẢN CHẤT VÀ CHỨC NĂNG CỦA NGÔN NGỮ (1)		
X 1. Bản chất của ngôn ngữ X		15
{ 1.1. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt		16
{ 1.2. Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu âm thanh		17
{ 1.3. Đặc trưng của ngôn ngữ		18
X 2. Chức năng của ngôn ngữ X		22
{ 2.1. Chức năng giao tiếp		22
{ 2.2. Chức năng làm công cụ tư duy		27
NGUỒN GỐC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÔN NGỮ (2)		
1. Nguồn gốc của ngôn ngữ		30
1.1. Các lý thuyết về nguồn gốc của ngôn ngữ		30
1.1.1. Ngôn ngữ do đẳng siêu nhiên tạo ra		30
1.1.2. Ngôn ngữ do con người tạo ra		30
1.2. Vấn đề nguồn gốc ngôn ngữ		34
1.2.1. Điều kiện nảy sinh ra ngôn ngữ		34
1.2.2. Tiền thân của ngôn ngữ loài người		38
2. Sự phát triển của ngôn ngữ		40
2.1. Quá trình phát triển của ngôn ngữ		40
2.1.1. Ngôn ngữ bộ lạc và các biến thể của nó		41
2.1.2. Ngôn ngữ khu vực		41
2.1.3. Ngôn ngữ dân tộc và các biến thể của nó		43
2.1.4. Ngôn ngữ văn hóa và các biến thể của nó		45
2.1.5. Ngôn ngữ cộng đồng tương lai		47

7

2.2. Những nhân tố khách quan và chủ quan làm cho ngôn ngữ biến đổi và phát triển			
2.2.1. Những nhân tố khách quan	48		
2.2.2. Những nhân tố chủ quan	50		
NGÔN NGỮ VỚI TƯ DUY VÀ VĂN HÓA			
x 1. Ngôn ngữ và tư duy	55		
1.1. Đồng nhất ngôn ngữ với tư duy	55		
1.2. Tách rời ngôn ngữ với tư duy	55		
1.3. Ngôn ngữ và tư duy thống nhất nhưng không đồng nhất	56		
2. Ngôn ngữ và văn hóa	59		
2.1. Giả thuyết Sapir-Whorf	59		
2.2. Lí lẽ về ngôn ngữ quy định văn hóa	59		
2.3. Lí lẽ về văn hóa quy định ngôn ngữ	62		
2.4. Quan hệ biện chứng giữa văn hóa và ngôn ngữ	64		
CÁC NGÔN NGỮ TRÊN THẾ GIỚI			
1. Phân loại các ngôn ngữ theo nguồn gốc	69		
1.1. Cơ sở phân loại các ngôn ngữ theo nguồn gốc	69		
1.2. Phương pháp so sánh lịch sử	70		
1.3. Một số họ ngôn ngữ chủ yếu	73		
2. Phân loại các ngôn ngữ theo loại hình	77		
2.1. Cơ sở phân loại	77		
2.2. Phương pháp so sánh loại hình	78		
2.3. Các loại hình ngôn ngữ	79		
CHỮ VIẾT			
1. Khái niệm về chữ viết	88		
2. Các kiểu chữ viết	92		
2.1. Chữ ghi ý	92		
2.2. Chữ ghi âm	96		
NGÔN NGỮ HỌC			
1. Sự hình thành và phát triển của ngôn ngữ học	101		
2. Đối tượng, nhiệm vụ của ngôn ngữ học	106		
2.1. Đối tượng của ngôn ngữ học	106		
2.1.1. Ngôn ngữ và lời nói	106		
2.1.2. Khả năng và hiện thực	108		
2.1.3. Tìm năng ngôn ngữ và hành vi ngôn ngữ thực tế	109		
2.2. Các ngành, các bộ môn của ngôn ngữ học	110		
2.2.1. Ngôn ngữ học đại cương và ngôn ngữ học bộ phận	110		
2.2.2. Ngôn ngữ học đồng đại và ngôn ngữ học lịch đại	110		
2.2.3. Các bộ môn ngôn ngữ học	112		
3. Mối quan hệ của ngôn ngữ học với các khoa học khác	113		
NGỮ ÂM HỌC			
1. Đối tượng và nhiệm vụ của ngữ âm học	116		
1.1. Ngữ âm học cấu âm	116		
1.2. Ngữ âm học thính âm	116		
1.3. Ngữ âm học âm học	117		
2. Bộ máy phát âm	117		
2.1. Cấu tạo ra luồng hơi	117		
2.2. Dây thanh	117		
2.3. Khoang cộng hưởng	119		
2.3.1. Khoang họng	119		
2.3.2. Khoang mũi	119		
2.3.3. Khoang miệng	119		
3. Các phụ âm	120		
3.1. Vị trí cấu âm	120		
3.2. Phương thức cấu âm	121		

3.3. Phân loại phụ âm	122
4 Nguyên âm	123
4.1. Các nguyên âm chuẩn	123
4.2. Phân loại nguyên âm	124
5. Các hiện tượng ngôn điệu	125
5.1. Âm tiết	125
5.2. Trọng âm	125
5.2.1. Trọng âm từ	126
5.2.2. Trọng âm cú đoạn	127
5.3. Thanh điệu	128
5.4. Ngữ điệu	128
6. Sự biến đổi ngữ âm	129
6.1. Đồng hóa	129
6.2. Dị hóa	130
7. Âm vị học	130
7.1. Âm vị, âm tố và biến thể của âm vị	130
7.2. Xác định âm vị và biến thể của nó	131
7.2.1. Những cặp tối thiểu	131
7.2.2. Biến thể tự do	131
7.2.3. Phân bố bổ sung	132
7.2.4. Sự gần gũi về ngữ âm	132
7.3. Nét khu biệt	133
7.4. Âm vị siêu đoạn tính	134
8. Hệ thống kí hiệu phiên âm quốc tế	134
TỪ VỰNG HỌC	
1. Từ trong hệ thống từ vựng của ngôn ngữ	137
1.1. Từ là đơn vị cơ bản của từ vựng	137
1.2. Từ vị và các biến thể.	140
1.3. Cấu tạo từ	142

10

1.3.1. Từ tố (hình vị)	142
1.3.2. Cấu tạo từ	146
2. Ngữ - đơn vị từ vựng tương đương với từ	150
2.1. Tính cố định	150
2.2. Tính thành ngữ	152
2.3. Tính phi cú pháp trong quan hệ	154
3. Sự biến đổi của từ vựng	155
3.1. Những sáng tạo mới	156
3.2. Phương thức ghép từ	156
3.3. Phương thức lấy từ	157
3.4. Phương thức phức hợp	157
3.5. Phương thức rút gọn	158
3.6. Phương thức viết tắt	159
3.7. Hiện tượng phân bố lại	159
3.8. Tiếp nhận từ ngoại ngữ	160
3.8.1. Từ ngoại lai	160
3.8.2. Ghép lại	161
3.8.3. Sao phỏng cấu tạo từ	161
3.8.4. Sao phỏng ngữ nghĩa.	162
4. Vấn đề hệ thống hóa từ vựng trong các từ điển	162
4.1. Từ điển khái niệm và từ điển ngôn ngữ	162
4.2. Từ điển biểu ý và từ điển biểu âm	163
4.3. Từ điển giải thích và từ điển đối chiếu	167
4.4. Từ điển từ nguyên và từ điển lịch sử	170
NGỮ PHÁP HỌC	
1. Nhận xét chung	175
2. Các từ loại	175
3. Các phạm trù ngữ pháp	176
3.1. Số	177

11

3.2. Giống	177
3.3. Cách	178
3.4. Thời	179
3.5. Thức	180
3.6. Dạng	180
* 4. Quan hệ cú pháp	181
4.1. Quan hệ tuyến tính	181
4.2. Quan hệ liên tưởng	181
4.3. Quan hệ đồng hiện	182
5. Cấu trúc cú pháp và thành tố cú pháp	182
5.1. Cấu trúc cú pháp	182
5.2. Các thành tố trực tiếp	183
5.3. Cấu trúc nội hướng và cấu trúc ngoại hướng	184
5.3.1. Cấu trúc nội hướng	184
5.3.1. Cấu trúc ngoại hướng	184
5.4. Cấu trúc đẳng lập và cấu trúc chính phụ	185
5.4.1. Cấu trúc đẳng lập	185
5.4.2. Cấu trúc chính phụ	185
6. Chức năng cú pháp	185
6.1. Chủ ngữ	186
6.2. Vị ngữ	188
6.3. Tân ngữ	189
6.4. Mối quan hệ giữa từ loại và chức năng	190
7. Các đơn vị cú pháp	191
7.1. Cú đoạn	191
7.2. Cú	191
7.3. Câu	191
7.3.1. Phân loại câu	191
7.3.2. Sự mở rộng của câu	193

8. Cú pháp trên câu	194
NGŨ NGHĨA HỌC	
* 1. Ngữ nghĩa học	198
2. Ý nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ	199
2.1. Nghĩa sở chỉ	203
2.2. Nghĩa sở biểu	203
2.3. Nghĩa kết cấu	204
2.4. Nghĩa sở dụng	204
3. Sự biến đổi ý nghĩa của từ ngữ	205
3.1. Nguyên nhân và cơ sở của sự biến đổi nghĩa	205
3.2. Những hiện tượng biến đổi nghĩa của từ	209
3.2.1. Mở rộng	209
3.2.2. Thu hẹp	209
3.2.3. Ẩn dụ	210
3.2.4. Hoán dụ	211
3.2.5. Chuyển loại	213
* 4. Các kiểu ý nghĩa của từ	213
4.1. Nghĩa trực tiếp và nghĩa chuyển tiếp	214
4.2. Nghĩa thông thường và nghĩa thuật ngữ	214
4.3. Nghĩa chính và nghĩa phụ, nghĩa tự do và nghĩa hạn chế	216
4.4. Nghĩa gốc và nghĩa phái sinh	217
5. Những quan hệ về nghĩa	218
5.1. Đồng âm	218
5.2. Đồng nghĩa	220
5.3. Trái nghĩa	225
5.4. Thượng hạ nghĩa	229
5.5. Mối quan hệ về nghĩa giữa các câu	230
5.5.1. Quan hệ kéo theo	230
5.5.2. Tiền đề	230

5.5.3. Những mối quan hệ khác	231
6. Phân tích ngữ nghĩa	232
6.1. Phân tích nghĩa tố	232
6.2. Phân tích vị từ	235
6.3. Các thành tố quan hệ	236
6.4. Các yếu tố logic	237

NGỮ DỤNG HỌC

1. Ngữ dụng học là gì?	240
2. Ngữ cảnh và ý nghĩa	241
3. Lí thuyết hành động ngôn ngữ	243
3.1. Các hành động ngoài lời	245
3.2. Các kiểu hành động ngoài lời	245
3.3. Hành động ngôn ngữ gián tiếp	247
3.4. Những cái khó trong lí thuyết hành động ngôn ngữ	249
4. Phân tích hội thoại	250
4.1. Cặp thoại	250
4.2. Câu đáp được ưu tiên	251
4.3. Những lời ước trước	252
5. Nguyên tắc hợp tác	254
5.1. Nguyên tắc hợp tác là gì?	254
5.2. Hàm ý hội thoại	255
5.3. Chứng chỉ về sự vi phạm nguyên tắc	256

TÀI LIỆU THAM KHẢO

BẢN CHẤT VÀ CHỨC NĂNG CỦA NGÔN NGỮ

1. BẢN CHẤT CỦA NGÔN NGỮ

(Nature of Language)

Chúng ta sống trong thế giới của từ ngữ. Khó có giây phút nào qua đi mà lại không có ai nói, viết hoặc đọc cái gì đó. Cuộc sống của chúng ta phụ thuộc rất nhiều vào việc sử dụng ngôn ngữ nhanh chóng và hiệu quả. Thế nhưng chúng ta chưa hiểu chính xác là đã nắm được ngôn ngữ như thế nào, đã nhận thức thế giới nhờ ngôn ngữ ra sao; cũng chưa hiểu rõ mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy, ngôn ngữ và lô gích, ngôn ngữ và văn hóa; chưa hiểu ngôn ngữ đã ra đời như thế nào và từ bao giờ. Ngôn ngữ đến với mỗi người bình thường tự nhiên đến mức ít ai tự hỏi ngôn ngữ là cái gì, càng ít ai cảm thấy cần phải nghiên cứu nó. Thực tế, ngôn ngữ phức tạp hơn chúng ta tưởng rất nhiều và sự cần thiết phải nghiên cứu nó cũng vượt xa mức độ mà người ta có thể nghĩ.

Ngôn ngữ là gì? Câu hỏi này có vẻ ngây thơ, nhưng cũng khó mà trả lời thỏa đáng.

Trước hết, cần phân biệt ngôn ngữ với tư cách là phương tiện giao tiếp và phát triển tư duy của con người với những hiện tượng khác cũng được gọi là ngôn ngữ. Chẳng hạn, người ta thường nói "ngôn ngữ hội họa", "ngôn ngữ điện ảnh", "ngôn ngữ âm nhạc", "ngôn ngữ toán học", v.v... Thực ra, trong những trường hợp như vậy, "ngôn ngữ" phải được hiểu là "phương tiện diễn tả, truyền đạt